

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức Sở Thông tin và Truyền thông và Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho Sở Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông theo Phụ biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Sở và các Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Sở Tài chính (VBĐT);
- Trang TTĐT Sở (VBĐT);
- Lưu: VT, VP (N, 02).

GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Hoàn

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa

Chương: 427

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STTTT ngày 22 /10/2024 của Giám đốc
Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Khánh Hòa)*

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó:			
				Văn phòng Sở	Trung tâm CNTT và DVHCCTT	Trung tâm Công TTĐT	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=5+6+7</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	0	0	0	0	0	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	941.540.000	941.540.000	941.540.000	0	0	
<i>1</i>	<i>Chi quản lý nhà nước</i>	<i>941.540.000</i>	<i>941.540.000</i>	<i>941.540.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
1.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	
1.2	KP cải cách tiền lương	0	0	0	0	0	
1.3	KP không thực hiện chế độ tự chủ	941.540.000	941.540.000	941.540.000	0	0	
-	<i>Kinh phí trang bị xe ô tô 16 chỗ phục vụ công tác chung</i>	<i>941.540.000</i>	<i>941.540.000</i>	<i>941.540.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
<i>2</i>	<i>Chi hoạt động kinh tế khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
2.1	KP thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	
2.2	KP cải cách tiền lương	0	0	0	0	0	
2.3	KP không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0	0	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0	0	